

**YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC, KINH
NGHIỆM NHÀ ĐẦU TƯ ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT
PRELIMINARY REQUIREMENTS FOR CAPACITY
AND EXPERIENCE OF THE INVESTOR
REGISTERING TO IMPLEMENT INVESTMENT
PROJECT USING LAND**

**TÊN DỰ ÁN:
KHU ĐÔ THỊ MỚI MINH PHƯƠNG – THUY VÂN THÀNH
PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ
*NAME OF PROJECT:
MINH PHUONG - THUY VAN NEW URBAN AREA, VIET TRI
CITY, PHU THO PROVINCE***

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2576/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Phú Thọ)*

*(Issued together with Decision No. 2576/QĐ-UBND dated October 11, 2021 of
the People's Committee of Phu Tho province)*

Chương I CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

Chapter I INSTRUCTIONS FOR THE INVESTORS

Mục 1. Nội dung mời quan tâm

Section 1. Contents of invitation

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ (sau đây gọi tắt là Sở KH&ĐT) mời các nhà đầu tư quan tâm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án Khu đô thị mới Minh Phương - Thụy Vân, thành phố Việt Trì.

The Department of Planning and Investment of Phu Tho Province (hereinafter referred to as the DPI) invites the investors to submit an application for registration for the implementation of the Minh Phuong - Thuy Van New Urban Area Project, Viet Tri City.

2. Thông tin về dự án:

Information about the project:

Căn cứ nội dung danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất được phê duyệt, Sở KH&ĐT tóm tắt thông tin về dự án, bao gồm:

Based on the approved list of investment projects with land use, the DPI summarizes information about the project, including:

2.1. Mục tiêu đầu tư của dự án:

Investment objectives of the project:

Cụ thể hóa đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Minh Phương - Thụy Vân được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt tại Quyết định số 2922/QĐ-UBND ngày 09/11/2020. Sau đầu tư xây dựng, sẽ hình thành một khu nhà ở đồng bộ về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội, nhằm xây dựng một khu nhà ở mới khang trang, hiện đại, đảm bảo kiến trúc cảnh quan và môi trường khu vực. Làm cơ sở pháp lý cho các cơ quan nhà nước quản lý quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng theo hướng phát triển bền vững.

Concretizing the detailed construction planning scheme at the scale of 1/500, Minh Phuong - Thuy Van New Urban Area was approved by the People's Committee of Phu Tho Province under the Decision No. 2922/QĐ-UBND dated November 09, 2020. After being constructed and invested, a housing area will be formed with a synchronous system of technical and social infrastructure works in order to build a spacious and modern new housing area, ensuring architectural landscape and environment of the area, serving as a legal basis for state agencies to manage land use planning and construction planning towards sustainable development.

2.2. Quy mô đầu tư của dự án:

Investment scale of the project:

Xây dựng các công trình công cộng cấp đô thị, đơn vị ở, nhóm ở độc lập có hình thức kiến trúc đẹp; cây xanh cấp đô thị, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng đồng bộ.

Construction of urban-level public works and independent residential units and groups with beautiful architectural forms; urban green trees and the system of technical infrastructure works are invested and built synchronously.

2.3. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án (m_1): (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, TĐC): **3.256.424.000.000 đồng** (Ba nghìn hai trăm năm mươi sáu tỷ bốn trăm hai mươi tư triệu đồng).

*Preliminary total project implementation cost (m_1): (excluding costs of compensation, site clearance and resettlement): **3.256.424.000.000 VND** (Three thousand two hundred fifty-six billion, four hundred twenty-four million Vietnamese dong).*

2.4. Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (m_2): **117.114.000.000 đồng** (Một trăm mười bảy tỷ một trăm mười bốn triệu đồng).

*Compensation, support and resettlement costs (m_2): **117.114.000.000 VND** (One hundred and seventeen billion, one hundred and fourteen million dong).*

2.5. Tóm tắt các yêu cầu cơ bản của dự án:

Summary of basic requirements of the project:

Tổng diện tích 432.980,60 m² (43,29806 ha), được đầu tư xây dựng các hạng mục:

Total area is 432,980.60 m² (43.29806 ha), invested in construction of the following items:

a) Đất xây dựng công trình công cộng cấp đô thị

Land for construction of urban-level public works

Đất xây dựng công trình công cộng cấp đô thị có ký hiệu CCĐT, với diện tích 15.027,20 m². Mật độ xây dựng 60,00 %; Tầng cao tối đa 05 tầng; Hệ số sử dụng đất 3,00 lần;

Land for construction of urban-level public works with the symbol of CCĐT covers an area of 15,027.20 m². Construction density is 60.00 %; Maximum floor height is 05 floors; Land use coefficient is 3.00;

b) Đất xây dựng công trình bãi đỗ xe

Land for construction of parking works

Phần đất xây dựng công trình bãi đỗ xe có ký hiệu P (bao gồm các bãi đỗ xe P1, P2, P3), với diện tích 5.073,70 m².

The land for construction of the parking works with the symbol of P (including parking lots of P1, P2, P3) covers an area of 5,073.70 m².

c) Đất đơn vị ở, nhóm ở độc lập

Land of independent residential units and groups

Đất đơn vị ở, nhóm ở độc lập có diện tích 293.595,70 m². Trong đó:

Land for independent residential units and groups covers an area of 293,595.70 m². In which:

- Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở có ký hiệu CCĐVO, với diện tích 9.452,10 m².

Land for construction of public works at residential unit level with the symbol CCDVO covers an area of 9,452.10 m².

- Đất xây dựng công trình trường học cấp đơn vị ở có diện tích 13.542,10 m². Mật độ xây dựng 40,00 %; Tầng cao 03÷04 tầng; Hệ số sử dụng đất từ 1,20 ÷ 1,60 lần.

Land for construction of school works at residential unit level covers an area of 13,542.10 m². Construction density is 40.00 %; Floor height is 03÷04 floors; The land use coefficient is from 1.20 ÷ 1.60.

- Đất xây dựng công trình nhà ở mới có diện tích 165.883,50 m². Cụ thể như sau:

Land for construction of new residential projects covers an area of 165,883.50 m², specifically as follows:

+ Đất ở: Xây dựng công trình nhà biệt thự có ký hiệu từ BT-01 đến BT-08, với diện tích 24.543,80 m². Trong đó:

+ *Residential land: Construction of villas with symbols from BT-01 to BT-08, covers an area of 24,543.80 m². In which:*

- Các ô đất ở - xây dựng công trình nhà biệt thự có ký hiệu từ BT-01 đến BT-06, với diện tích 14.775,6 m². Mật độ xây dựng 75,00 %; Tầng cao tối đa 04 tầng; Hệ số sử dụng đất 3,00 lần.

- *Residential plots - construction of villas with symbols from BT-01 to BT-06, covers an area of 14,775.6 m². Construction density is 75.00 %; Maximum floor height is 04 floors; Land use coefficient is 3.00.*

- Ô đất ở - xây dựng công trình nhà biệt thự có ký hiệu BT-07, với diện tích 2.623,50 m². Mật độ xây dựng 72,00 %; Tầng cao tối đa 04 tầng; Hệ số sử dụng đất 2,90 lần;

- *Residential plot - construction of a villa with the symbol of BT-07, covers an area of 2,623.50 m². Construction density is 72.00 %; Maximum floor height is 04 floors; The land use coefficient is 2.90;*

- Ô đất ở - xây dựng công trình nhà biệt thự có ký hiệu BT-08, với diện tích 7.144,70 m². Mật độ xây dựng 65,00 %; Tầng cao tối đa 04 tầng; Hệ số sử dụng đất 2,60 lần.

Residential plot - construction of a villa with the symbol of BT-08, covers an area of 7,144.70 m². Construction density is 65.00 %; Maximum floor height is 04 floors; The land use coefficient is 2.60;

+ Đất ở - xây dựng công trình nhà liền kề có ký hiệu LK-01 đến LK-97, với diện tích 107.185,80 m². Mật độ xây dựng 100,00 %; Tầng cao tối đa 05 tầng; Hệ số sử dụng đất 5,00 lần.

Residential land - construction of semi-detached houses with symbols of LK-01 to LK-97 covers an area of 107,185.80 m². Construction density is 100.00 %; Maximum floor height is 05 floors; the land use coefficient is 5.00.

+ Đất xây dựng công trình nhà ở xã hội có ký hiệu NOXH, với diện tích 34.153,90 m². Mật độ xây dựng 30,00 %; Tầng cao tối đa 05 tầng; Hệ số sử dụng đất 1,50 lần.

Land for construction of social housing works with the symbol NOXH covers an area of 34,153.90 m². Construction density is 30.00 %; Maximum floor height is 05 floors; The land use coefficient is 1.50.

d) Đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật

Land for construction of technical infrastructure works

- Đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật có ký hiệu HTKT-06, với diện tích 4,908.80 m². Mật độ xây dựng 30,00 %; Tầng cao tối đa 03 tầng; Hệ số sử dụng đất 0,90 lần.

Land for construction of technical infrastructure works with symbol HTKT-06 covers an area of 4,908.80 m². Construction density is 30.00 %; Maximum height of 03 floors; The land use coefficient is 0.90.

đ) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật tuân thủ theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được cụ thể trong nội dung đề xuất dự án đầu tư.

Technical infrastructure system: The system of technical infrastructure works complies with the detailed construction planning scheme at the scale of 1/500 approved by competent authorities and specified in the investment project proposal.

(Chi tiết: Theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2922/QĐ-UBND ngày 09/11/2020)

(Details: According to the detailed planning at the scale of 1/500 approved by the Provincial People's Committee in the Decision No. 2922/QĐ-UBND dated November 09, 2020)

2.6. Thời hạn, tiến độ đầu tư:

Investment duration and schedule:

a) Thời hạn thực hiện dự án:

Project implementation duration:

- Đối với đất thương mại, dịch vụ: 50 năm;

For commercial and service land: 50 years;

- Đối với đất ở: 50 năm, người mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất được sử dụng với thời hạn lâu dài.

For residential land: 50 years, the buyers of the housing attached the land use right are entitled to use for a long term.

- Thời điểm tính thời hạn hoạt động của dự án: Từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất của cấp có thẩm quyền.

Time for calculating the project's operation duration: From the date the investor is granted the decisions on land allocation, land lease or change of land use purpose by the competent authorities.

b) Tiến độ đầu tư:

Investment schedule:

- Đến hết quý II năm 2022: Lập và trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; tổ chức lựa chọn chủ đầu tư thực hiện dự án;

By the end of the second quarter of 2022: Prepare and submit to the Provincial People's Committee for approval of the project investment policy; organize the selection of investors to implement the project;

- Từ quý III năm 2022 đến hết quý IV năm 2023: Thực hiện các thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng và các thủ tục giao đất cho nhà đầu tư theo quy định pháp luật về đất đai.

From the third quarter of 2022 to the end of the fourth quarter of 2023: Implement procedures for compensation, support, resettlement to clear the land and procedures for land allocation to the investor in accordance with the law on land.

- Từ quý I năm 2024 đến quý IV năm 2028: Tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về phòng cháy chữa cháy, pháp luật về môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan; đầu tư xây dựng hoàn thành hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình kiến trúc thuộc dự án theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức nghiệm thu, bàn giao đưa các công trình vào sử dụng theo quy định.

- From the first quarter of 2024 to the fourth quarter of 2028: Carry out procedures in accordance with the laws on construction, fire protection, environment and other relevant laws; invest in and complete the system of technical infrastructure works and architectural works under the project according to the detailed planning of 1/500 scale already approved by competent authorities; organize the acceptance and handover to put the works into use according to the regulations.

2.7. Địa điểm thực hiện dự án: Tại phường Minh Phương và xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Project implementation location: In Minh Phuong and Thuy Van Wards, Viet Tri City, Phu Tho Province.

2.8. Diện tích khu đất: 432.980,60 m² (43,29806 ha).

Land area: 432,980.60 m² (43.29806 ha).

2.9. Mục đích sử dụng đất: Xây dựng các căn nhà ở, công trình công cộng, cây xanh cảnh quan, mặt nước; hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng đồng bộ.

Land use purposes: Construction of housing, public works, landscape trees, water surface works; system of technical infrastructure works is invested and constructed synchronously.

2.10. Các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt:

The approved planning criteria:

a) *Quy mô dân số:* Dự kiến dân số khu vực khoảng 6.504 người. Trong đó: Khu ở liền kề (1.208 hộ) khoảng 4.832 người; Khu ở biệt thự (130 hộ) khoảng 520 người; Khu nhà ở xã hội (384 hộ) khoảng 1.152 người.

Population size: Estimated population of the area is about 6,504 people. In which: Residential semi-attached area (1,208 households) is about 4,832 people; The villa area (130 households) is about 520 people; Social housing area (384 households) is about 1,152 people.

b) Chỉ tiêu sử dụng đất:

Land use criteria:

TT No.	Tên Name	Đơn vị Unit	Chỉ tiêu theo đồ án QH Criteria according to the planning scheme	Chỉ tiêu theo quy chuẩn Criteria according to the regulations
1	Chỉ tiêu về đất đai <i>Criteria for land</i>			
-	Chỉ tiêu sử dụng đất ở <i>Criteria for residential land use</i>	m ² /người <i>m²/person</i>	25,5 25.5	≥15 và ≤28 ≥15 and ≤28
-	Đất cây xanh đơn vị ở <i>Green tree land for residential unit</i>	m ² /người <i>m²/person</i>	2,8 2.8	≥ 2
-	Đất nhà ở xã hội <i>Land for social housing</i>	% S _{đất ở} % S _{residential land}	20,6 20.6	≥ 20
-	Đất công trình công cộng đơn vị ở <i>Land for public works of residential units</i>	m ² /người <i>m²/person</i>	1,5 1.5	≥ 1
-	Đất công trình giáo dục THCS <i>Land for lower secondary education works</i>	m ² /người <i>m²/person</i>	0,6 0.6	0,55 0.55
-	Đất công trình giáo dục tiểu học <i>Land for primary education works</i>	m ² /người <i>m²/person</i>	0,8 0.8	0,65 0.65
-	Đất công trình giáo dục mầm non <i>Land for preschool education works</i>	m ² /người <i>m²/person</i>	0,7 0.7	0,60 0.60
-	Đất công cộng đô thị <i>Urban public land</i>	m ² /người <i>m²/person</i>	2,3 2.3	≥ 2
-	Đất cây xanh đô thị	m ² /người	6,1	≥ 6

TT No.	Tên Name	Đơn vị Unit	Chỉ tiêu theo đồ án QH Criteria according to the planning scheme	Chỉ tiêu theo quy chuẩn Criteria according to the regulations
	<i>Urban green land</i>	<i>m²/person</i>	6.1	
-	Đất giao thông <i>Traffic land</i>	%	36,67 36.67	≥ 18
-	Diện tích bãi đỗ xe <i>Parking area</i>	m ² /người <i>m²/person</i>	2,53 2.53	2,5 2.5
2	Chỉ tiêu về mật độ <i>Criteria for density</i>			
-	Mật độ xây dựng gộp đơn vị ở <i>Gross construction density of residential units</i>	%	36,8 36.8	≤ 60
-	Mật độ xây dựng thuần (net-tô) các công trình giáo dục, văn hóa <i>Net construction density (net) of educational and cultural works</i>	%	40	≤ 40
3	Chỉ tiêu về tầng cao công trình <i>Criteria for the height of the works</i>	Tầng <i>Floor</i>	1-5	

*c) Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật
Criteria for technical infrastructure*

TT No.	Tên Name	Đơn vị Unit	Chỉ tiêu theo đồ án QH Criteria according to the planning scheme	Chỉ tiêu theo quy chuẩn Criteria according to the regulations
1	Giao thông <i>Traffic</i>			

TT No.	Tên Name	Đơn vị Unit	Chỉ tiêu theo đồ án QH Criteria according to the planning scheme	Chỉ tiêu theo quy chuẩn Criteria according to the regulations
-	Chiều rộng thiết kế cho một làn xe <i>Design width of a vehicle lane</i>	m	3,5 - 3,75 3.5 - 3.75	3,0 - 3,75 3.5 - 3.75
-	Chiều rộng thiết kế một làn đi bộ <i>Design width of a pedestrian lane</i>	m	0,75 0.75	0,75 0.75
-	Độ dốc dọc tối thiểu <i>Minimum vertical slope</i>	%	0,3 0.3	0,3 0.3
-	Độ dốc dọc tối đa <i>Maximum vertical slope</i>	%	1,56 1.56	7
2	Tiêu chuẩn cấp điện <i>Power supply standards</i>			
-	Nhà ở liền kề <i>Semi-attached houses</i>	kw/hộ <i>kw/household</i>	5	≥2,8 ≥2.8
-	Nhà ở biệt thự <i>Villas</i>	kw/hộ <i>kw/household</i>	5	≥2,8 ≥2.8
-	Nhà ở xã hội <i>Social housing</i>	kw/hộ <i>kw/household</i>	5	≥2,8 ≥2.8
-	Dịch vụ công cộng <i>Public services</i>	w/m ² sàn <i>w/m² of floor</i>	30	20-30
-	Trường tiểu học, THCS <i>Primary School, Lower Secondary School</i>	kW/cháu <i>kW/child</i>	0,15 0.15	0,15 0.15
-	Nhà trẻ, mẫu giáo <i>Preschools</i>	kW/cháu <i>kW/child</i>	0,2 0.2	0,2 0.2
3	Tiêu chuẩn cấp nước <i>Water supply standards</i>			
-	Nước sinh hoạt (Qsh) <i>Domestic water (Qsh)</i>	lít/người-ngđ <i>liters/person-day-night</i>	180	≥80
-	Nước công trình công cộng, dịch vụ	lít/m ² sàn-ngđ <i>liters/m² of</i>	3	≥2

TT No.	Tên Name	Đơn vị Unit	Chỉ tiêu theo đồ án QH Criteria according to the planning scheme	Chỉ tiêu theo quy chuẩn Criteria according to the regulations
	<i>Water for public and service works</i>	<i>floor-th.d</i>		
-	Nước trường tiểu học <i>Water for primary school</i>	lít/cháu-ngđ <i>liters/child- th.d</i>	20	≥15
-	Nước trường mẫu giáo, mầm non <i>Water for preschool</i>	lít/cháu-ngđ <i>liters/child- th.d</i>	100	≥75
-	Rửa đường <i>Water for road washing</i>	lít/m2-ngđ <i>liters/m2-th.d</i>	0,5 0.5	≥0,4 ≥0.4
-	Nước tưới cây xanh, vườn hoa <i>Water for irrigating green trees and flower gardens</i>	lít/m2-ngđ <i>liter/m2-th.d</i>	3	≥3
4	Tiêu chuẩn thoát nước <i>Drainage standards</i>	%Qsh	90	≥80
5	Tiêu chuẩn rác thải <i>Waste standards</i>	kg/người-ngđ <i>kg/person-th.d</i>	1,3 1.3	1,3 1.3

d) Cơ cấu sử dụng đất cho toàn khu quy hoạch

Structure of land use for the whole planning area

STT No.	Hạng mục Items	Ký hiệu Symbol	Diện tích Area	Tỷ lệ Ratio
			(m2)	(%)
1	Đất công cộng cấp đô thị <i>Urban public land</i>	CCĐT <i>CCDT</i>	15.027,20	3,47
			15,027.20	3.47
2	Đất cây xanh cấp đô thị <i>Urban green tree land</i>	CXĐT <i>CXDT</i>	39.616,10	9,15
			39,616.10	9.15
3	Đất giao thông đô thị <i>Urban traffic land</i>		77.237,80	17,84
			77,237.80	17.84
3.1	Đất giao thông đô thị <i>Urban traffic land</i>		72.164,10	16,67
			72,164.10	16.67
3.2	Đất bãi đỗ xe <i>Parking lot land</i>	P	5.073,70	1,17
			5,073.70	1.17

STT No.	Hạng mục Items	Ký hiệu Symbol	Diện tích Area	Tỷ lệ Ratio
			(m ²)	(%)
4	Đất đơn vị ở, nhóm ở độc lập <i>Land for independent residential units and groups</i>		293.595,70 293,595.70	67,81 67.81
4.1	Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở <i>Land for public works at residential unit level</i>	CCĐVO CCDVO	9.452,10 9,452.10	2,18 2.18
4.2	Đất cây xanh cấp đơn vị ở <i>Green tree land at residential unit level</i>	CX	18.128,20 18,128.20	4,19 4.19
4.3	Đất trường học cấp đơn vị ở <i>School land at residential unit level</i>		13.542,10 13,542.10	3,12 3.12
a	Đất trường trung học cơ sở <i>Land for lower secondary school</i>	THCS	4.085,00 4,085.00	0,94 0.94
b	Đất trường tiểu học <i>Land for primary school</i>	TH	5.030,50 5,030.50	1,16 1.16
c	Đất trường mầm non <i>Land for preschools</i>	TMN	4.426,60 4,426.60	1,02 1.02
4.4	Đất ở mới <i>New residential land</i>		165.883,50 165,883.50	38,32 38.32
a	Đất ở - nhà biệt thự <i>Residential land - villas</i>	BT	24.543,80 24,543.80	5,67 5.67
b	Đất ở - nhà liền kề <i>Residential land – Semi-attached houses</i>	LK	107.185,80 107,185.80	24,76 24.76
c	Đất nhà ở xã hội <i>Social housing land</i>	NOXH	34.153,90 34,153.90	7,89 7.89
4.5	Đất giao thông ĐVỞ <i>Traffic land of residential units</i>		86.589,80 86,589.80	20,00 20.00
5	Đất hạ tầng kỹ thuật <i>Land for technical infrastructure</i>	HTKT	7.503,80 7,503.80	1,73 1.73
TỔNG TOTAL			432.980,60 432,980.60	100,00 100.00

2.11. Hiện trạng khu đất:

Current status of the land area:

STT No.	Loại đất Land type	Mã đất Land code	Diện tích Area (m ²)
I	Địa bàn xã Thụy Vân <i>Area of Thuy Van Commune</i>		
1	Đất trồng lúa (tạm tính vị trí 2) <i>Land for rice cultivation (temporary calculation of location 2)</i>	LUK	186.400 186,400

STT No.	Loại đất <i>Land type</i>	Mã đất <i>Land code</i>	Diện tích <i>Area</i> (m ²)
3	Đất nuôi trồng thủy sản <i>Aquaculture land</i>	TSN	62.500 62,500
II	Địa bàn phường Minh Phương <i>Area of Minh Phuong Ward</i>		
1	Đất trồng lúa (tạm tính vị trí 2) <i>Land for rice cultivation (temporary calculation of location 2)</i>	LUK	176.300 176,300
III	Các loại đất khác <i>Other types of land</i>		5.080,6 5,080.6
TỔNG <i>TOTAL</i>			432.980,6 432,980.6

2.11. Thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án:

Deadline for submitting project implementation application::

Trước 17 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 11 năm 2021.

Before Before 5:00 p.m., on November 22, 2021.

Mục 2. Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư

Section 2. Preliminary requirements on capacities and experience of the investors

Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư bao gồm yêu cầu về năng lực tài chính và kinh nghiệm. Nội dung chi tiết theo Chương II.

Preliminary requirements on capacities and experience of the investors include those on financial capacities and experience. Detailed contents shall be according to Chapter II.

Mục 3. Làm rõ yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư

Section 3. Clarification of preliminary requirements on capacities and experience of the investors

1. Trường hợp nhà đầu tư muốn được làm rõ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, nhà đầu tư phải gửi đề nghị làm rõ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ bằng văn bản hoặc thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối thiểu 05 ngày làm việc để xem xét, xử lý.

In case the investors want to have the preliminary requirements clarified on capacities and experience, they must send a request for clarification to the Department of Planning and Investment of Phu Tho Province in writing or through the National Bidding Network System at least 05 working days before the deadline for submitting project implementation registration application for consideration and handling.

2. Sau khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ theo thời gian quy định, Sở KH&ĐT tỉnh Phú Thọ tiến hành làm rõ và đăng tải lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong khoảng thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không ghi tên nhà đầu tư đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương này.

After receiving the written request for clarification within the stipulated time, the DPI of Phu Tho province shall clarify and post it on the National Bidding Network System within a period of at least 02 working days before the deadline for submitting project implementation registration application, stating the contents requested for clarification but no name of the investor requesting for clarification is stated. In case the clarification leads to revision of the preliminary requirements on capacities and experience, the provisions of Section 4 of this Chapter shall be followed.

Mục 4. Sửa đổi yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư

Section 4. Amendment of preliminary requirements on capacities and experience of the investors

1. Trường hợp phải sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, Sở KH&ĐT tỉnh Phú Thọ đăng tải lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia quyết định sửa đổi kèm theo nội dung sửa đổi trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối thiểu 10 ngày.

In case it is required to amend the preliminary requirements on capacities and experience, the DPI of Phu Tho province shall upload the amendment decision together with the revised contents on the national bidding network system no later than 10 days before the deadline for submitting the project implementation registration application.

2. Trường hợp thời gian thông báo sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm không đáp ứng quy định tại Mục 4.1, Sở KH&ĐT tỉnh Phú Thọ thực hiện thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tương ứng để bảo đảm quy định nêu trên. Việc gia hạn được thực hiện theo quy định tại Mục 6.3.

In case the time for notification of amendment of preliminary requirements on capacities and experience does not meet the requirements in Section 4.1, the DPI of Phu Tho Province shall apply the corresponding time to submit the project implementation registration application to ensure the above-mentioned provisions. The extension shall comply with the provisions of Section 6.3.

Mục 5. Ngôn ngữ sử dụng

Section 5. Applicable language

Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ và nhà thầu liên quan đến việc mời quan tâm phải được viết bằng ngôn ngữ sau:

The project implementation registration application and all documents and materials exchanged between the Department of Planning and Investment of

Phu Tho Province and the contractors related to the invitation shall be written in the following language:

- Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan trao đổi giữa nhà đầu tư với Sở KH&ĐT tỉnh Phú Thọ được viết bằng: Tiếng Việt.

The project implementation registration application as well as all related correspondence and documents exchanged between the investors and the DPI of Phu Tho Province are written in: Vietnamese.

- Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong hồ sơ đăng ký thực hiện dự án có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt.

Documents and supporting documents in the project implementation registration application may be written in other languages and accompanied by a translation into Vietnamese.

- Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Sở KH&ĐT tỉnh Phú Thọ có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.

In case of no translation, if required, the DPI of Phu Tho Province may request the investors to submit it.

Mục 6. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và thời hạn nộp

Section 6. Application for project implementation registration and deadline for submission

1. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án do nhà đầu tư chuẩn bị phải bao gồm các biểu mẫu và các tài liệu có liên quan theo quy định tại Chương III.

The project implementation registration application prepared by the investor must include the forms and relevant documents as prescribed in Chapter III.

2. Nhà thầu nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đồng thời nộp 01 bộ gốc và 04 bộ chụp hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ để kiểm tra, đối chiếu và lưu trữ hồ sơ.

The contractor submits the application for project implementation registration on the National Bidding Network System, and at the same time submits 01 original set and 04 sets of copies to the Department of Planning and Investment of Phu Tho Province for inspection, comparison and record keeping.

3. Sở KH&ĐT tỉnh Phú Thọ có thể gia hạn thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trong trường hợp sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư theo Mục 4 Chương này, cần tăng thêm số lượng nhà đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 2 mục 9 Chương này hoặc các trường hợp cần thiết khác. Khi gia hạn, Sở KH&ĐT tỉnh Phú Thọ sẽ thông báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và gửi thông báo đến tất cả các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (nếu có) về thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

The DPI of Phu Tho Province may extend the deadline for submitting the application for project implementation registration in case the preliminary requirements on capacities and experience of the investors are modified

according to Section 4 of this Chapter or the number of investors as prescribed at Point b, Clause 2, Section 9 of this Chapter is required to be increased or in other necessary cases. When extending, the DPI of Phu Tho Province will notify on the National Bidding Network System and send a notice to all investors who have submitted their applications for project implementation registration (if any) about the deadline for submission.

Mục 7. Sửa đổi, thay thế hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

Section 7. Amendment and replacement of application for project implementation registration

Sau khi nộp, nhà đầu tư có thể thay thế hoặc sửa đổi hồ sơ đăng ký thực hiện dự án bằng cách nộp bổ sung các hồ sơ, tài liệu có liên quan trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

After submission, the investors can replace or amend their applications for project implementation registration by submitting additional relevant documents and materials on the National Bidding Network System before the deadline for submission.

Mục 8. Làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

Section 8. Clarification of application for project implementation registration

Nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án theo yêu cầu của Sở KH&ĐT tỉnh Phú Thọ. Tất cả yêu cầu làm rõ và phản hồi của nhà đầu tư phải được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

The investors are responsible for clarifying their applications for project implementation registration at the request of the DPI of Phu Tho Province. All requests for clarification and investors' feedback shall be made on the National Bidding Network System.

Mục 9. Thông báo kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư

Section 9. Notification of results of preliminary assessment of capacities and experience of the investors

1. Sau khi có kết quả đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư, Sở KH&ĐT tỉnh Phú Thọ đăng tải danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

After agreeing the preliminary assessment results on the capacities and experience of the investors, the DPI of Phu Tho Province will publish the list of qualified investors on the National Bidding Network System.

2. Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu, trước khi đăng tải thông tin theo quy định tại khoản 1 Mục này, Sở KH&ĐT tỉnh Phú Thọ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo một trong hai phương án sau đây:

In case there is only one investor meeting the requirements, before publishing information as prescribed in Clause 1 of this Section, the Department

of Planning and Investment of Phu Tho province shall report to the Chairman of the Provincial People's Committee for consideration and decision according to one of the following two options:

a) Phương án 1: Thông báo và hướng dẫn nhà đầu tư nộp hồ sơ trình quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật khác có liên quan theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung tại điểm 5 khoản 6 Điều 108 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

a) Option 1: Notify and guide the investor to submit the application file for investment policy decision in accordance with the provisions of the law on investment and other relevant laws as prescribed at Point b, Clause 3, Article 13. Decree No. 25/2020/ND-CP and amended and supplemented at Point 5, Clause 6, Article 108 of the Government's Decree 31/2021/ND-CP dated March 26, 2021.

b) Phương án 2: Gia hạn thời gian đăng ký thực hiện dự án. Thời gian gia hạn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và sẽ được thông báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Nhà đầu tư đã đáp ứng yêu cầu không phải nộp lại hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

Sau khi gia hạn, trường hợp có thêm nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện theo khoản 3 Mục này. Trường hợp không có thêm nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

Option 2: Extension of time for project implementation registration.

The extension time is decided by the Chairman of the Provincial People's Committee and will be announced on the National Procurement Network. Investors who have met the requirements do not have to resubmit the application for project implementation registration.

After the extension, in case there are more investors who meet the preliminary requirements on capacity and experience, Clause 3 of this Section shall apply. If there are no more investors who meet the preliminary requirements on capacity and experience, the provisions of Point a of this Clause shall apply.

3. Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu, việc lựa chọn nhà đầu tư sẽ được thực hiện theo hình thức đấu thầu rộng rãi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung tại điểm 4 khoản 6 Điều 108 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. Hồ sơ mời thầu được phát hành rộng rãi cho các nhà đầu tư, bao gồm cả các nhà đầu tư ngoài danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm.

In case there are two or more investors that meet the requirements, the investor selection will be carried out in the form of open bidding as prescribed at Point a, Clause 3, Article 13 of Decree No. 25/2020/ND-CP and amended and supplemented at Point 4, Clause 6, Article 108 of the Government's Decree 31/2021/ND-CP dated March 26, 2021. Bidding documents are widely released

to investors, including investors outside the list of investors who meet the preliminary requirements on capacity and experience.

CHƯƠNG II

YÊU CẦU SƠ BỘ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

CHAPTER II

PRELIMINARY REQUIREMENTS ON CAPACITIES AND EXPERIENCE OF THE INVESTORS

TT No.	Nội dung Contents	Yêu cầu Requirements
1	Năng lực tài chính ⁽¹⁾ <i>Financial capacity⁽¹⁾</i>	<p>Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp⁽²⁾: 506.030.700.000 đồng (Năm trăm linh sáu tỷ không trăm ba mươi triệu bảy trăm nghìn đồng).</p> <p><i>Minimum equity that must be arranged by the investors (2): 506.030.700.000 VND (Five hundred and six billion, thirty million, seven hundred thousand dong).</i></p> <p><i>[Vốn chủ sở hữu tối thiểu không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 héc ta; không thấp hơn 15%, tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên. Trong đó, tổng mức đầu tư (vốn đầu tư) được xác định bằng tổng giá trị m_1 và m_2 theo quy định tại điểm h và điểm i khoản 2 Điều 47 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP].</i></p> <p><i>[Minimum equity is not less than 20% of the total investment for the project with a land use scale of less than 20 hectares; Not less than 15% of the total investment for the project with a land use scale of 20 hectares or more. In which, the total investment (investment capital) is determined by the total value of m_1 and m_2 as prescribed at point h and point i, clause 2, Article 47 of the Decree No. 25/2020/ND-CP].</i></p> <p>Trường hợp liên danh, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh. Đồng thời, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần vốn góp chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu.</p> <p><i>In case of a consortium, the equity of the investors in the consortium is equal to the total equity of the members of the consortium. At the same time, each consortium member must meet the requirements corresponding to the owner's contributed capital</i></p>

		<p><i>according to the consortium agreement. If any member of the consortium is assessed as dissatisfactory, the consortium investor is assessed as not meeting the requirement on equity.</i></p> <p>Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 15% trong liên danh.</p> <p><i>The leading investor of the consortium must have a minimum capital ownership ratio of 30%, and each consortium member must have a minimum capital ownership ratio of 15% in the consortium.</i></p>
2	Kinh nghiệm ⁽³⁾ <i>Experience</i> ⁽³⁾	<p>Số lượng tối thiểu các dự án mà nhà đầu tư hoặc thành viên tham gia liên danh hoặc đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính: 01 dự án Cách xác định dự án như sau ⁽⁴⁾:</p> <p><i>Minimum number of projects in which the investor or consortium member or partner has participated as an equity investor or main contractor: 01 project. The way to determine the project is as follows ⁽⁴⁾:</i></p> <p>- Loại 1: Dự án trong lĩnh vực xây dựng công trình thuộc đô thị, khu đô thị mới, nhà ở thương mại, công trình thương mại và dịch vụ tổ hợp đa năng mà nhà đầu tư đã tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p> <p>- <i>Type 1: Project in the field of construction of works in urban areas, new urban areas, commercial houses, multi-purpose commercial and service works in which the investor has participated as an investor contributing equity capital and fully satisfied the following conditions:</i></p> <p>+ Dự án có tổng mức đầu tư tối thiểu bằng ⁽⁵⁾ 50% tổng mức đầu tư của dự án đang xét, tương đương 1.686.769.000.000 đồng (Một nghìn sáu trăm tám mươi sáu tỷ bảy trăm sáu mươi chín triệu đồng).</p> <p><i>The project has a total investment of at least ⁽⁵⁾ 50% of the total investment of the project under consideration, equivalent to 1.686.769.000.000 VND (One thousand six hundred eighty-six billion, seven hundred sixty-nine million dong).</i></p> <p>+ Dự án mà nhà đầu tư có phần giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng ⁽⁶⁾ 50% vốn chủ sở hữu của dự án đang xét, tương đương 253.015.350.000 đồng (Hai trăm năm mươi ba tỷ không trăm mười năm triệu ba trăm</p>

	<p><i>năm mươi nghìn đồng).</i></p> <p><i>The project in which the investor has a minimum equity value equal to ⁽⁶⁾ 50% of the equity of the project under consideration, equivalent to 253.015.350.000 VND (Two hundred fifty-three billion, fifteen million, three hundred fifty thousand dong).</i></p> <p>+ Dự án đã hoàn thành giai đoạn xây dựng trong 05 năm gần đây.</p> <p><i>The project 's construction phase has completed in the last 5 years.</i></p> <p>- Loại 2: Dự án trong lĩnh vực xây dựng công trình thuộc đô thị, khu đô thị mới, nhà ở thương mại, công trình thương mại và dịch vụ tổ hợp đa năng mà nhà đầu tư đã tham gia với vai trò là nhà thầu chính thực hiện các gói thầu xây lắp và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p> <p><i>Type 2: The project in the field of construction of works in urban area, new urban areas, commercial houses, multi-purpose commercial and service works in which the investor has participated as a main contractor implementing construction and installation packages and fully satisfied the following conditions:</i></p> <p>+ Giá trị phần công việc nhà đầu tư tham gia trong gói thầu/hợp đồng tối thiểu bằng⁽⁷⁾ 30% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét, tương đương 1.012.061.400.000 đồng (Một nghìn không trăm mười hai tỷ không trăm sáu mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng).</p> <p><i>The value of the work the investor participated in the package/contract is at least equal to ⁽⁷⁾ 30% of the corresponding work value of the project under consideration, equivalent to 1.012.061.400.000 VND (One thousand twelve billion, sixty-one million, four hundred thousand dong).</i></p> <p>+ Gói thầu/Hợp đồng đã kết thúc trong 05 năm gần đây.</p> <p><i>The Package/Contract has been completed in the last 5 years.</i></p> <p>- Loại 3: Dự án trong lĩnh vực xây dựng công trình thuộc đô thị, khu đô thị mới, nhà ở thương mại, công trình thương mại và dịch vụ tổ hợp đa năng mà đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà thầu chính thực hiện các gói thầu xây lắp và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p>
--	--

		<p><i>Type 3: The project in the field of construction of works in urban area, new urban areas, commercial houses, multi-purpose commercial and service works in which the partner has participated as a main contractor implementing construction and installation packages and fully satisfied the following conditions:</i></p> <p>+ Giá trị phần công việc đối tác cùng thực hiện tham gia trong gói thầu/hợp đồng tối thiểu bằng⁽⁸⁾ 30% tổng mức đầu tư dự án đang xét tương đương 1.012.061.400.000 đồng (Một nghìn không trăm mười hai tỷ không trăm sáu mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng).</p> <p><i>The value of the work the partner participated in the package/contract is at least equal to ⁽⁸⁾ 30% of the corresponding work value of the project under consideration, equivalent to 1.012.061.400.000 VND(One thousand twelve billion, sixty-one million, four hundred thousand dong).</i></p> <p>+ Gói thầu/Hợp đồng đã kết thúc trong 05 năm gần đây.</p> <p><i>The Package/Contract has been completed in the last 5 years.</i></p> <p>Kinh nghiệm của nhà đầu tư bằng tổng số dự án của nhà đầu tư/thành viên liên danh và đối tác đã thực hiện.</p> <p><i>The investor's experience is equal to the total number of projects implemented by the investor/consortium member and partner.</i></p> <p>Các dự án/gói thầu nhà đầu tư/đối tác thực hiện phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết mới được xem xét, đánh giá ⁽⁹⁾.</p> <p><i>The projects/packages implemented by the investor/its implementation partner must ensure to meet the technical and quality requirements under the signed contracts to be considered and evaluated ⁽⁹⁾.</i></p>
3	<p>Các tiêu chí khác⁽¹⁰⁾</p> <p>Other criteria⁽¹⁰⁾</p>	<p>Project proposal of the Investor:</p> <ul style="list-style-type: none"> - The project proposal of the investor is feasible, clear, scientific and basic in accordance with the requirements of the project scale and basic capacity of the project. - The proposal of the investor is specific, basically in accordance with the project objectives and with the detailed 1/500 scale plan which has been approved by competent authorities (including improvement initiatives)

Ghi chú:

Notes:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, có thể điều chỉnh hoặc bổ sung các chỉ tiêu tài chính khác như: giá trị tài sản ròng, doanh thu, lợi nhuận,...

Based on the scale, nature and field of the project, other financial criteria can be adjusted or added such as net asset value, revenue, profit, etc.

Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, năng lực tài chính của nhà đầu tư được đánh giá trên cơ sở báo cáo tài chính đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán từ thời điểm thành lập đến trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối đa 28 ngày.

In case the investor is a newly established organization in the year, the investor's financial capacity is assessed on the basis of the financial statements audited by an independent audit unit from the time of establishment to no more than 28 days before the deadline for submitting project registration application.

(2) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định trên cơ sở các số liệu tài chính của nhà đầu tư được cập nhật trong khoảng thời gian tối đa 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư. Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 02 tại Chương III.

The investor's equity is determined on the basis of the investor's financial data updated within a maximum period of 28 days before the deadline for submitting the application for project implementation registration and commitment on raising equity capital of the investor. The investor must declare information and provide documents on financial capacity according to Form No. 02 in Chapter III.

Vốn chủ sở hữu còn lại của nhà đầu tư = Tổng vốn chủ sở hữu - Chi phí liên quan đến kiện tụng - Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư dài hạn khác (nếu có) - Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định (Vốn chủ sở hữu dùng riêng cho phân bổ hoặc theo yêu cầu pháp lý quy định với Nhà đầu tư; Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo yêu cầu dự phòng đặc biệt cho các trường hợp có thể xảy ra; Vốn chủ sở hữu khác được cam kết sẽ hoàn lại và không dùng cho tuyên bố cổ tức,...).

The investor's remaining equity = Total equity - Litigation-related expenses - Committed equity for under-progress projects and other long-term investments (if any) - Equity retained in accordance with the regulations (Equity used exclusively for allocation or as required by law for the Investor; Equity retained according to special provision requirements for potential cases; Other equity committed to be refunded and not used for dividend declaration, etc.).

(3) Đối với các dự án trong lĩnh vực mới hoặc có quy mô đầu tư lớn, không có nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, có thể xem xét, căn cứ dữ liệu về các dự án đã thực hiện, khả năng phân kỳ đầu tư của dự án đang xét để xác định yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư.

For the projects in new fields or with large investment scale, there is no investor with experience in implementing similar projects to be considered, the data on implemented projects and the possibility of investment divergence of the projects under consideration may be based on to determine the investor's requirements on experience.

Trong trường hợp này, yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư có thể được chỉnh sửa theo hướng thấp hơn so với hướng dẫn nhưng phải bảo đảm phù hợp với thực tế cũng như yêu cầu thực hiện dự án. Bên cạnh đó, trong quá trình xem xét, đánh giá, phải bảo đảm nhà đầu tư có đầy đủ năng lực tài chính, năng lực kỹ thuật để thực hiện dự án. Yêu cầu thực hiện dự án trong HSMT cũng như hợp đồng phải bảo đảm quy định đầy đủ trách nhiệm của nhà đầu tư cũng như biện pháp xử lý (xử phạt, đền bù thiệt hại, xử lý trong giai đoạn tiếp theo) trong trường hợp nhà đầu tư thực hiện dự án không đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng. Đồng thời, người có thẩm quyền có thể quy định giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng lớn hơn 3% nhưng không quá 10% tổng mức đầu tư của dự án.

In this case, the investor's requirements on experience can be adjusted in a lower direction than the instruction but they must be consistent with reality and project implementation requirements. In addition, during the consideration and evaluation process, it is required to ensure that the investor has full financial and technical capacities to implement the project. The project implementation requirements in the Bidding Documents as well as the contract must ensure full provisions on the investor's responsibilities as well as handling measures (sanctions, compensation for damages, handling in the next stages) in case the investor implements the project that does not meet the requirements on progress and quality. At the same time, the competent person may stipulate that the contract performance guarantee value is greater than 3% but not more than 10% of the total investment of the project.

(4) Nhà đầu tư cung cấp kinh nghiệm của mình theo Mẫu số 03 tại Chương III. Nhà đầu tư chỉ được trích dẫn kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự một lần duy nhất.

The investors provide their experience using Form No. 03 in Chapter III. The investors are only allowed to cite their experience in implementing similar projects once.

Đối tác cùng thực hiện dự án bao gồm: Tổ chức cung cấp tài chính; Nhà thầu xây dựng; Nhà thầu vận hành, quản lý.

The partners jointly implementing the project include: Financial providers; Building contractors; Operation and management contractors.

Cách thức quy đổi các dự án: 01 dự án thuộc loại 2, 3 bằng tối đa 0,5 dự án thuộc loại 1 và cách thức làm tròn số trong trường hợp số lượng dự án được quy đổi là số lẻ. (Ví dụ: Nhà đầu tư kê khai 01 dự án loại 1 thì đảm bảo, đáp ứng được yêu cầu sơ bộ năng lực kinh nghiệm; đối với dự án loại 2 và loại 3 nhà đầu tư phải kê khai tối thiểu 02 dự án thì được chấm là 01 điểm và như vậy mới đáp ứng yêu cầu sơ bộ năng lực kinh nghiệm)

Method of converting projects: 01 project of type 2, 3 equals at most to 0.5 projects of type 1 and method of rounding numbers in case the number of converted projects is an odd one. (For example, if the investor declares 01 project of type 1, he/she meets the preliminary requirements on capacities and experience; for the projects of type 2 and type 3, the investor must declare at least 02 projects so that he/she will be scored as 01 point and thus meet the preliminary requirements on capacities and experience)

(5); (6); (7); (8) Đối với những dự án chưa xác định rõ giá trị tổng mức đầu tư trong các văn bản phê duyệt, hợp đồng dự án, nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh để xác định giá trị này.

For projects that have not yet clearly identified their total investment value in the approved documents and project contracts, the investors must provide supporting documents to determine such value.

(9) Nhà đầu tư phải cung cấp các biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng hoặc xác nhận của cơ quan nhà nước để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng đối với các dự án/gói thầu đã thực hiện.

The investors must provide minutes of acceptance, contract liquidation or certification of state agencies to prove the satisfaction of technical and quality requirements for the implemented projects/packages.

(10) Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực và điều kiện đặc thù, riêng biệt (nếu có) của dự án, đưa ra các tiêu chí phù hợp khác.

Based on the scale, nature, fields and specific and separate conditions (if any) of the project, other appropriate criteria shall be proposed.

CHƯƠNG III. CÁC BIỂU MẪU

CHAPTER III. FORMS

Mẫu số 01: Thông tin về nhà đầu tư

Form No. 01: Information about the investors

Mẫu số 02: Năng lực tài chính của nhà đầu tư

Form No. 02: Financial capacity of the investors

Mẫu số 03: Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự

Form No. 03: Experience in implementing similar projects

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC ĐỐI TÁC CÙNG THỰC HIỆN
INFORMATION ABOUT THE INVESTOR AND CO-IMPLEMENTATION
PARTNERS

I. Thông tin về nhà đầu tư/thành viên liên danh⁽¹⁾

Information about the investor/consortium member ⁽¹⁾

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

Name of the investor/consortium member:

2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư/thành viên liên danh:

Operation registration country of the investor/consortium member:

3. Năm thành lập:

Year of incorporation:

4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:

Legal address of the investor/consortium member in the country of registration:

5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh:

Information about the legal representative of the investor/consortium member:

- Tên/Name:

- Địa chỉ/Address:

- Số điện thoại/Phone/fax:

- Địa chỉ e-mail/Email address:

6. Tỷ lệ góp vốn trong liên danh dự kiến:

Expected ratio of capital contribution in the consortium:

II. Thông tin về các đối tác cùng thực hiện:

Information about co-implementation partners:

TT No.	Tên đối tác⁽²⁾ Name of partners ⁽²⁾	Quốc gia nơi đăng ký hoạt động Country of operation registration	Vai trò tham gia Role	Người đại diện theo pháp luật Legal representat ive	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác⁽⁴⁾ Contract or agreement with partners ⁽⁴⁾
1	Công ty 1 Company 1		[Tổ chức cung cấp tài chính] [Financial		

			<i>provider]</i>		
2	<i>Công ty 2 Company 2</i>		<i>[Nhà thầu xây dựng] [Construction contractor]</i>		
3	<i>Công ty 3 Company 3</i>		<i>[Nhà thầu vận hành/Quản lý] [Management/Ope ration contractor]</i>		
				

Ghi chú:

Notes:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này. Đồng thời nhà đầu tư phải nộp kèm theo bản sao văn bản thỏa thuận giữa các thành viên liên danh về việc thực hiện dự án trong đó tỷ lệ vốn góp trong liên danh dự kiến.

In case of consortium investors, each consortium member must fill in this Form. At the same time, the investors must submit a copy of the written agreement among the consortium members on the implementation of the project, stating the expected percentage of capital contribution in the consortium.

Nhà đầu tư/thành viên liên danh cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

The investor/consortium member is required to submit a copy of one of the following documents: business registration certificate, establishment decision or equivalent document issued by the competent authority of the country where the investor is operating.

(2) Nhà đầu tư ghi cụ thể tên của các đối tác tham gia thực hiện dự án.

The investor shall specify the names of the partners participating in the project implementation.

(3) Nhà đầu tư ghi cụ thể vai trò tham gia của từng đối tác.

The investor shall clearly state the role of each partner.

(4) Nhà đầu tư ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, kèm theo bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

The investor shall specify the contract number or written agreement number, enclosed with certified copies of those documents.

Mẫu số 02/ Form No. 02

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ⁽¹⁾
FINANCIAL CAPACITY OF THE INVESTOR⁽¹⁾

1. Tên nhà đầu tư/Thành viên trong liên danh:

Name of the investor/consortium member:

2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên trong liên danh:

Information about financial capacity of the investor/consortium member:

a) Tóm tắt các số liệu về tài chính⁽²⁾:

Summary of financial data⁽²⁾:

STT No.	Nội dung Contents	Giá trị Value
1	Tổng vốn chủ sở hữu <i>Total equity</i>	
2	Chi phí liên quan đến kiện tụng (nếu có) <i>Litigation-related expenses (if any)</i>	
3	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư dài hạn khác (nếu có) <i>Committed equity for under-progress projects and other long-term investments (if any)</i>	
4	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định <i>Owner's equity retained according to the regulations</i>	
5	Vốn chủ sở hữu còn lại của nhà đầu tư <i>Investor's remaining equity</i>	$(5) = (1) - (2) - (3) - (4)$

b) Tài liệu đính kèm/*Attachments*

Đính kèm là tài liệu chứng minh về số liệu tài chính của nhà đầu tư được cập nhật trong khoảng thời gian tối đa 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án:

The documents proving the investor's financial data updated within a maximum period of 28 days before the deadline for submitting the application for project implementation are included:

- Bản sao báo cáo tài chính được kiểm toán trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (nhà đầu tư có thể sử dụng báo cáo tài chính năm, báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu).

Copies of the audited financial statements within a period of 28 days before the deadline for submitting the application for project implementation (the investor can use the annual financial statements, the semi-annual financial statements, the reports on the use of equity).

Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

The reports provided by the investor must ensure compliance with the laws on finance and accounting, and reflect the separate financial position of the investor or the consortium member (if the investor is a consortium) but not the financial position of an associate such as a parent company or a subsidiary or an affiliated company with the investor or a consortium member.

- Trường hợp trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án không trùng với kỳ lập báo cáo tài chính hoặc nhà đầu tư không có báo cáo tài chính được kiểm toán trong thời gian này, nhà đầu tư phải cung cấp báo cáo tài chính được kiểm toán trong thời điểm gần nhất.

In case within the period of 28 days before the deadline for submitting project implementation registration application, it does not coincide with the financial statement preparation period or the investor does not have audited financial statements during this time, the investor shall provide audited financial statements at the most recent time.

Đồng thời nhà đầu tư phải kê khai, cung cấp tài liệu chứng minh về sự thay đổi trong số liệu tài chính từ thời điểm có báo cáo kiểm toán đến thời điểm tham dự thầu (ví dụ tài liệu chứng minh việc tăng vốn chủ sở hữu). Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm lệch kết quả đánh giá thì nhà đầu tư sẽ bị xử lý theo quy định.

At the same time, the investor shall declare and provide documents proving the change in financial data from the time of the audit report to the time of bidding (for example, documents proving the increase in equity). The investor is responsible for the declared information. In case the declared information is found to be inaccurate, falsifying the assessment results, the investor shall be handled according to the regulations.

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, nhà đầu tư phải nộp báo cáo tài chính được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán từ thời điểm thành lập đến trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối đa 28 ngày.

In case the investor is a newly established organization during the year, the investor shall submit financial statements audited by an independent audit

unit from the time of establishment to no more than 28 days before the deadline for submitting the application for project implementation registration.

Ghi chú:

Notes:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

In case of a consortium investor, each member must fill in this Form.

(2) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bổ sung các thông tin phù hợp.

Based on the evaluation criteria, add appropriate information.

(3) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế;...)

Based on the evaluation criteria, the investor may be required to add more documents to prove his/her financial capacity (for example: tax finalization inspection minutes, tax self-settlement declarations; documents proving that the investor has declared the electronic tax finalization; the written certification of the tax authority; etc.)

KINH NGHIỆM THỰC HIỆN DỰ ÁN TƯƠNG TỰ⁽¹⁾
EXPERIENCE IN IMPLEMENTING SIMILAR PROJECTS⁽¹⁾

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____
(Location), dated _____

[Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự theo yêu cầu]

[The investors list experience in implementing similar projects as required]

1. Dự án số 01: ____ [ghi tên dự án]

Project No. 01: ____ [insert project name]

Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh/đối tác cùng thực hiện dự án <i>Name of the investor/consortium member/co-implementation partner</i>	
1	Số hợp đồng: <i>Contract No.:</i> Ngày ký: <i>Date of signing:</i>
2	Tên dự án/gói thầu: <i>Name of project/package:</i>
3	Lĩnh vực đầu tư của dự án <i>Investment field of the project</i>
4	Tham gia dự án với vai trò: <i>Role in the project:</i> <input type="checkbox"/> Nhà đầu tư độc lập/ <i>Independent contract</i> <input type="checkbox"/> Thành viên liên danh nhà đầu tư/ <i>Contractor consortium member</i> <input type="checkbox"/> Nhà thầu chính/ <i>Main contractor</i>
5	Tên Cơ quan nhà nước thẩm quyền/đại diện Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án); chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu) <i>Name of the competent state agency/representative of the competent state agency</i> <i>(for the project); employer/employer's representative (for package)</i> Địa chỉ/ <i>address:</i> Tên người liên lạc/ <i>Name of contact person:</i> Điện thoại/ <i>Phone:</i> Fax: Email:
6	Thông tin chi tiết <i>Details</i>
6.1	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà đầu tư/thành viên liên danh: <i>In case of participating in the project as an investor/consortium member:</i>

	<p>Tiến độ thực hiện dự án ⁽²⁾: <i>Project implementation progress ⁽²⁾:</i></p>
	<p>Tổng mức đầu tư: <i>Total investment:</i></p>
	<p>Tỷ lệ góp vốn (trường hợp nhà đầu tư là liên danh): <i>Capital contribution ratio (in case the investor is a consortium):</i></p>
	<p>Vốn chủ sở hữu đã được huy động: <i>Equity raised:</i></p>
	<p>Mô tả ngắn gọn về điểm tương đồng của dự án đã thực hiện này với dự án đang lựa chọn nhà đầu tư: <i>Brief description of the similarities of this implemented project with the project under the selection of the investor:</i></p>
	<p>- Mô tả ngắn gọn về phần công việc đã thực hiện: <i>Brief description of the work performed:</i></p> <p>- Giá trị của (các) phần công việc đã thực hiện: <i>Value of work part(s) performed:</i> (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ <i>(Value and currency) equivalent to . . . VND</i></p>
	<p>- Mô tả ngắn gọn về phần công việc còn phải thực hiện: <i>Brief description of the remaining work to be performed:</i></p> <p>- Giá trị của (các) phần công việc còn phải thực hiện: <i>Value of the remaining work part(s) to be performed:</i> (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ <i>(Value and currency) equivalent to . . . VND</i></p>
	<p>Lịch sử tranh chấp, kiện tụng: <i>History of disputes and litigation:</i></p>
	<p>Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành: <i>Brief description of special technical/operational requirements:</i></p>
6.2	<p>Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà thầu <i>In case of participating in the project as a contractor</i></p>
	<p>Phạm vi công việc tham gia thực hiện: <i>Scope of implemented work:</i></p>
	<p>Giá trị phần công việc tham gia thực hiện: <i>Value of implemented work:</i></p>
	<p>Tiến độ, chất lượng thực hiện⁽³⁾: <i>Progress and quality ⁽³⁾:</i></p>

	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng: <i>History of disputes and litigation:</i>
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật: <i>Brief description of special technical requirements:</i>

2. Dự án số 02: ____ [ghi tên dự án]

Project No. 02: ____ [insert project name]

.....

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

Legal representative of the investor

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

[name, title, signature and seal (if any)]

Ghi chú:

Notes:

(1) Yêu cầu kê khai thông tin theo Mẫu này có thể được điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với yêu cầu sơ bộ về năng lực kinh nghiệm của nhà đầu tư.

The requirement to declare information in this Form may be adjusted and supplemented to be consistent with the preliminary requirements on capacities and experience of the investor.

(2), (3) Nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh các thông tin đã kê khai và tiến độ, chất lượng thực hiện hợp đồng như bản sao công chứng hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án), chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu)...

The investor must provide documents proving the declared information and the progress and quality of the contract performance such as notarized copies of the contracts, minutes of acceptance and liquidation, certification by competent state agencies/representatives of competent state agencies (for projects), employers/representatives of employers (for bidding packages), etc.